

Số: 37/2025/QĐST-HNGĐ

Thanh Hoá, ngày 20 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 361 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 99/2025/TLST-VHNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Đỗ Thị P- sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Tổ dân phố 3 Đ, phường N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Nguyễn Hữu Đ – sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu Đ và chị Đỗ Thị P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) năm 2015. Sau khi cưới vợ chồng sống vui vẻ hạnh phúc được một thời gian thì đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan niệm sống khác nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vì vậy, anh Đ, chị P thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng anh chị không đáp ứng được với quy định tại khoản 3 Điều 2 về nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình và Điều 19 về tình nghĩa vợ chồng của luật Hôn nhân gia đình năm 2014; việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đỗ Bảo N - sinh ngày 16/6/2017. Ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu N cho chị P trực tiếp

nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Đ có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Sự thỏa thuận của anh chị về người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, nên chấp nhận là đúng với quy Đ tại Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Hữu Đ và chị Đỗ Thị P thuộc trường hợp phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy Đ tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, nên anh chị thỏa thuận chị Đỗ Thị P nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT Đ:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu Đ và chị Đỗ Thị P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đỗ Bảo N - sinh ngày 16/6/2017. Giao cháu N cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Đ có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Đỗ Thị P nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0000253 ngày 12/8/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá (chị P đã nộp đủ lệ phí).

3. Quyết Đ này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND KV4-TH;
- UBND xã Đ;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng